

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỆT MAY HOÀ THỌ**

THÁNG 06 NĂM 2017

MỤC LỤC

CHƯƠNG I :

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Định nghĩa.....	3
-------------------------	---

CHƯƠNG II :

**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty ...	4
---	---

CHƯƠNG III :

**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN
VÀ NGHĨA VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Điều 3 : Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty	5
Điều 4 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
Điều 5 : Quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty	6

CHƯƠNG IV :

**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG KHOÁN, SỔ ĐĂNG KÝ
CỔ ĐÔNG**

Điều 6 : Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7 : Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8 : Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9 : Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10: Thu hồi cổ phần.....	10
Điều 11: Phát hành trái phiếu.....	10
Điều 12: Mua lại cổ phần.....	

CHƯƠNG V :

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13 : Cơ cấu tổ chức quản lý.....	12
---------------------------------------	----

CHƯƠNG VI :

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 14 : Quyền của Cổ đông	14
Điều 15 : Nghĩa vụ của Cổ đông.....	15
Điều 16 : Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 18 : Các đại diện được uỷ quyền	19
Điều 19 : Thay đổi các quyền.....	20
Điều 20 : Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .	20
Điều 21 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 22 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 25 : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 26 : Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	26

CHƯƠNG VII :

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27 : Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT	27
Điều 28 : Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	29
Điều 29 : Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT	31
Điều 30 : Các cuộc họp HĐQT	32
Điều 31: Thường trực Hội đồng quản trị và các tiểu ban của HĐQT.....	35

CHƯƠNG VIII :

**TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH,
CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY**

Điều 32 : Tổ chức bộ máy quản lý.....	38
Điều 33 : Cán bộ quản lý.....	38

Điều 34 : Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	38
Điều 35 : Thư ký Tổng Công ty	39
<u>CHƯƠNG IX :</u>	
BAN KIỂM SOÁT	
Điều 36 : Thành viên Ban kiểm soát	41
Điều 37 : Ban kiểm soát	42
<u>CHƯƠNG X :</u>	
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY	
Điều 38 : Trách nhiệm cẩn trọng	44
Điều 39 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	44
Điều 40 : Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	46
<u>CHƯƠNG XXI :</u>	
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	
Điều 41 : Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	47
<u>CHƯƠNG XII :</u>	
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY	
Điều 42 : Công nhân viên và công đoàn	48
<u>CHƯƠNG XIII :</u>	
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	
Điều 43 : Cổ tức	48
Điều 44 : Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	44
<u>CHƯƠNG XIV :</u>	
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	
Điều 45 : Tài khoản ngân hàng	49
Điều 46 : Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	49
Điều 47 : Năm tài khoá	49
Điều 48 : Hệ thống kế toán.....	50
<u>CHƯƠNG XV :</u>	
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	
Điều 49 : Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hằng quý.....	50
Điều 50 : Công bố thông tin và thông báo ra công chứng.....	51
<u>CHƯƠNG XVI :</u>	
KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 51 : Kiểm toán	51
<u>CHƯƠNG XVII :</u>	
CON DẤU	
Điều 52 : Con dấu	51
<u>CHƯƠNG XVIII :</u>	
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 53 : Chấm dứt hoạt động	51
Điều 54 : Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông.....	52
Điều 55 : Gia hạn hoạt động.....	47
Điều 56 : Thanh lý.....	52
<u>CHƯƠNG XIX :</u>	
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 57 : Giải quyết tranh chấp nội bộ	53
<u>CHƯƠNG XX :</u>	
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
Điều 58 : Bổ sung và sửa đổi điều lệ.....	53
<u>CHƯƠNG XXI :</u>	
NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 59 : Ngày hiệu lực	54

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ (dưới đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty, được sửa đổi, bổ sung theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội Nước Cộng Hoà XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014. Điều lệ, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cổ phần Dệt May Hoà Thọ.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần này nhằm phù hợp với thông lệ quản trị hiện đại theo Điều lệ mẫu đã được Bộ tài chính ban hành (theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng) và Luật doanh nghiệp 2014.

Điều lệ sửa đổi bổ sung này đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ được tổ chức vào ngày 16 tháng 6 năm 2017 bao gồm 21 chương 59 điều.

CHƯƠNG I **ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

Điều 1: Định nghĩa

1.1 Trong Điều lệ này, trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sẽ có ý nghĩa như quy định dưới đây:

a. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.

d. “Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm và phê chuẩn từ chức danh Trưởng các phòng ban Công ty và Giám đốc các đơn vị thành viên, đại diện quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết trở lên;

e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

f. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại khoản 2.6 Điều 2 của Điều lệ này và thời hạn gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty thông qua bằng nghị quyết.

g. “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

h. "Hội đồng quản trị" có nghĩa là Hội đồng quản trị của Tổng Công ty. Viết tắt là “HĐQT”.

i. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên HĐQT đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

j. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

k. "Chuyển nhượng cổ phần" là việc cổ đông thực hiện chuyển một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần thuộc sở hữu của mình cho các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

l. "Pháp luật" có nghĩa là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 2, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 03/6/2008.

m. "Cổ đông" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần.

n. "Tổng Công ty" có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hoà Thọ.

o. "Công ty mẹ" có nghĩa là Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hoà Thọ.

p. "Giá thị trường của cổ phần" có nghĩa là giá cổ phần của Tổng Công ty giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

q. Các trường hợp được coi là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty: Các trường hợp vi phạm Điều 39 Điều lệ này; Tổng Công ty có dấu hiệu thua lỗ đến 50% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

1.2 Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

1.3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung, tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

1.4 Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ "người" được hiểu là cá nhân hoặc tổ chức.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2 : Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

2.1. Tên Tổng Công ty :

* Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HOÀ THỌ**

* Tên tiếng Anh: **HOA THO TEXTILE – GARMENT JOINT STOCK CORPORATION**

* Tên viết tắt : **HOA THO CORP**

2.2. Tổng Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:

* Địa chỉ: 36 Ông Ích Đường, Phường Hoà Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng.

* Điện thoại : (0236) 3846290 - 3670295 – 3673770

* Fax : (0236) 3846216 - 3670423

* E-mail : office@hoatho.com.vn

* Website : www.hoatho.com.vn

2.4. Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

2.5. Tổng Công ty có thể thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật.

2.6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

2.7. Tập đoàn Dệt may Việt Nam là cổ đông sở hữu 69,96% Vốn điều lệ của Tổng Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3 : Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

3.1. Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may. Kinh doanh nhà hàng. Kinh doanh vận tải hàng. Kinh doanh khách sạn. Xây dựng công nghiệp và dân dụng. Kinh doanh siêu thị. Kinh doanh bất động sản. Khai thác nước sạch phục vụ sản xuất công nghiệp và sinh hoạt. Kinh doanh giấy các loại. Kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tại Trạm y tế

3.2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty là:

a. Tổng Công ty được thành lập để huy động và sử dụng nguồn vốn trong việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm theo ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật.

b. Xây dựng, phát triển Tổng Công ty thành một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đa ngành, có tiềm lực tài chính và trình độ kỹ thuật - công nghệ tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển ngành dệt may hiện đại.

c. Nâng cao hiệu quả kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có được của Tổng Công ty cho các cổ đông, nâng cao giá trị Tổng Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

d. Từng bước đưa “HOA THO CORP” trở thành một thương hiệu dệt may hàng đầu Việt Nam của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

e. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số các mục tiêu nêu tại điểm 3.1 Điều này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Tổng Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4 : Phạm vi kinh doanh và hoạt động

4.1 Tổng Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng Công ty.

4.2 Tổng Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê chuẩn.

4.3 Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty uỷ quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh khác được pháp luật cho phép để đảm bảo nắm bắt kịp thời các cơ hội kinh doanh.

Điều 5 : Quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty

5.1 Quyền của Tổng Công ty:

- a. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- b. Tự chủ và chịu trách nhiệm về tài chính; về phân bổ và sử dụng vốn.
- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
- e. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
- f. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.
- g. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Tổng Công ty.
- h. Tự do lựa chọn hình thức huy động vốn như vay, phát hành, chuyển nhượng, các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật.
- i. Xuất nhập khẩu hàng hoá theo quy định của pháp luật.
- j. Quyết định phân phối lợi nhuận cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ với Nhà nước; lập quỹ và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- k. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Tổng Công ty.
- l. Từ chối các yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
- m. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
- n. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ của hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- o. Được hưởng các ưu đãi về thuế của Nhà nước đối với Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công ty cổ phần.
- p. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

5.2 Nghĩa vụ của Tổng Công ty :

- a. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b. Sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng Công ty.
- c. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, khả năng phát triển của Tổng Công ty và tổ chức thực hiện có hiệu quả chiến lược, kế hoạch đề ra.
- d. Sử dụng hợp lý lao động, tài sản đảm bảo hiệu quả kinh tế.
- e. Công bố và chịu trách nhiệm về tính sát thực các báo cáo tài chính hàng năm và các thông tin về hoạt động của Tổng Công ty cho các cổ đông theo quy định. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

f. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

g. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động; bảo đảm cho người lao động tham gia quản lý Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và ưu tiên sử dụng lao động trong nước.

h. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

i. Thực hiện chế độ thống kê và báo cáo định kỳ các thông tin về tình hình tài chính của Tổng Công ty với cơ quan Nhà nước theo quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

j. Tuân thủ các quy định về an ninh, quốc phòng, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường, môi sinh, di tích, danh lam thắng cảnh theo quy định của pháp luật.

k. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

l. Thực hiện các nghĩa vụ khác mà Điều lệ này và pháp luật quy định.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU, CHỨNG KHOÁN VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

Điều 6 : Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

6.1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại thời điểm thành lập là 150 tỷ đồng, được chia thành 15.000.000 cổ phần (Mười lăm triệu cổ phần) với mệnh giá một cổ phần là 10.000 VNĐ. (Mười nghìn đồng Việt Nam).

Vốn điều lệ của Tổng Công ty có thể thay đổi và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp và thay đổi theo từng thời kỳ.

6.2. Tổng Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty chỉ được sử dụng vào các mục đích như:

- a. Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị.
- b. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
- c. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
- d. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
- b. Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Tổng Công ty.

6.3. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần của Nhà nước. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này.

6.4. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6.5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6.6. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong Tổng số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại điểm sau đây:

a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.

b. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do HĐQT quyết định.

6.7. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ tiền và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Tổng Công ty.

6.8. Sau khi cổ phần được bán đã hoàn tất việc thanh toán tiền mua cổ phần, Tổng Công ty sẽ phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Tổng Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều lệ và ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó của Tổng Công ty.

6.9. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

6.10. Khi Tổng Công ty phát hành thêm cổ phần để chào bán trên thị trường chứng khoán thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7 : Chứng nhận cổ phiếu

7.1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

7.2 Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Tổng Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp như sau:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Tổng Công ty.

b. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu ghi danh.

d. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.

e. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng Công ty.

f. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, ngày phát hành cổ phiếu.

g. Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

7.3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

7.4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần cổ phần trong cổ phiếu kể cả cổ phiếu ghi danh hay không ghi danh thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7.5. Nếu một cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới, với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty và phải có cam kết với nội dung: (i) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Tổng Công ty để tiêu hủy; (ii) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Tổng Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo Tổng Công ty sẽ xem xét cấp cổ phiếu mới.

7.6. Cho dù có quy định tại Điểm 7.5 trên, cổ đông vẫn phải gìn giữ cổ phiếu cẩn thận, không làm rách nát, hư hỏng, nhoè, mờ và có trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Tổng Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7.7. Tại từng thời điểm, Tổng Công ty có thể thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 8: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9: Chuyển nhượng cổ phần

9.1 Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9.2 Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 10: Thu hồi cổ phần

10.1 Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty.

10.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ nếu không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán sẽ bị thu hồi.

10.3 Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

10.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp với Điều lệ này và pháp luật.

10.5 Cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

10.6 Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước khi bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11 : Phát hành trái phiếu

11.1 Tổng Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không có bảo đảm, có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền đặt mua, cho phép người nắm giữ chứng quyền được mua cổ phần khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, chứng quyền đặt mua, thời điểm phát hành và tổng giá trị trái phiếu và phải báo cáo - giải trình phương án phát hành trái phiếu, chứng quyền với Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp gần nhất.

11.2 Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, Tổng Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó.

b. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

c. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

11.3. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 12. Mua lại cổ phần

12.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông được quyền yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của mình khi:

- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Tổng Công ty hoặc;

- Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này.

b. Thủ tục yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần ;

- Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của cổ đông phải được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ: Tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng Công ty mua lại;

- Yêu cầu phải được gửi đến Tổng Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định tổ chức lại Tổng Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điểm a Khoản 12.1 Điều này.

c. Nghĩa vụ của Tổng Công ty khi nhận được yêu cầu mua lại cổ phần :

- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại cổ phần quy định tại Điều này, Tổng Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường hoặc giá được xác định theo thỏa thuận giữa cổ đông đó và Hội đồng quản trị;

- Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Tổng Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

12.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức theo quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã phát hành trong 12 tháng. Trong các trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 12.2 này;

c. Tổng Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ có trong Tổng Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Tổng Công ty phải được thông báo đến tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có các nội dung sau:

- Tên, trụ sở của Tổng Công ty;
- Tổng số cổ phần mua lại;
- Giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại;
- Thời hạn và thủ tục thanh toán;
- Thời hạn và thủ tục để cổ đông đăng ký bán cổ phần cho Tổng Công ty. Cổ đông phải gửi đăng ký bán cổ phần của mình đến Tổng Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

d. Tổng Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 13 : Cơ cấu tổ chức quản lý

13.1. Mô hình quản trị Tổng Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng Cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị.
- c. Ban kiểm soát
- d. Tổng giám đốc.

13.2. Nguyên tắc tổ chức hoạt động:

- a. Cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- b. Đại hội đồng cổ đông bầu HĐQT thay mặt Đại hội đồng cổ đông quản lý Tổng Công ty giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc để điều hành mọi hoạt động của Tổng Công ty.

13.3. Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và các Công ty liên kết trong đó Tổng Công ty đóng vai trò là Công ty mẹ.

a. Cơ cấu tổ chức Công ty mẹ bao gồm: Các phòng ban chức năng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty.

b. Các Công ty con là các Công ty cổ phần, Công ty TNHH mà Tổng Công ty nắm giữ cổ phần chi phối.

c. Các Công ty liên kết là các Công ty mà Tổng công ty có vốn góp nhưng không chi phối hoặc các Công ty có liên kết với Tổng Công ty về khai thác thị trường, về thương hiệu và các hình thức liên kết khác.

d. Công ty mẹ, các Công ty con và Công ty liên kết sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”

13.4. Các nguyên tắc, quan hệ giữa các Công ty trong nhóm Công ty :

Công ty mẹ, các Công ty con và Công ty liên kết là những pháp nhân độc lập quan hệ với nhau thông qua các thoả thuận trong Hợp đồng, điều lệ các Công ty và các quy chế hoạt động nội bộ.

13.5. Quyền và trách nhiệm của Công ty mẹ đối với Công ty con :

a. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty mẹ và Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.

b. Trường hợp Công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc Công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

c. Người quản lý của Công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại điểm b khoản này phải liên đới cùng Công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.

d. Trường hợp Công ty mẹ không đền bù cho Công ty con theo quy định tại điểm b khoản này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 1% vốn điều lệ của Công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh Công ty con đòi Công ty mẹ đền bù thiệt hại cho Công ty con.

e. Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại điểm b khoản này do Công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho Công ty con khác của Công ty mẹ thì Công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng Công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho Công ty con bị thiệt hại.

13.6. Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con:

a. Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, Công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ - các Công ty con theo quy định.
- Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của Công ty mẹ, Công ty con.
- Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty mẹ - Công ty con.

b. Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại điểm a khoản này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các Công ty con.

c. Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của Công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con.

d. Trường hợp người quản lý Công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ Công ty con thì người quản lý Công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ Công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.

e. Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của Công ty mẹ, các Công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của Công ty mẹ - Công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty mẹ. Bản sao của các báo

cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của Công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.

f. Đối với các Công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập và đệ trình báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với Công ty mẹ.

CHƯƠNG VI **CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 14 : Quyền của cổ đông

14.1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.

14.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.

Cổ đông có quyền cử đại diện theo uỷ quyền (bằng văn bản) đại diện cho mình thực hiện các quyền của cổ đông, tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT, Ban kiểm soát của Tổng Công ty phù hợp quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Trường hợp, cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Tổng Công ty. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp của cổ đông.
- Số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ đông tại Tổng Công ty.
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền.
- Số cổ phần được uỷ quyền đại diện.
- Thời hạn đại diện theo uỷ quyền.
- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền có đóng dấu và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Tổng Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Trường hợp cổ đông là tổ chức mới được hợp nhất từ tổ chức cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản pháp lý về hợp nhất hoặc thừa kế để xử lý về cổ phần, cổ đông, cổ phiếu và người đại diện theo pháp luật hiện hành.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài.

e. Xem xét, tra cứu, và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g. Trong trường hợp Tổng Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

h. Yêu cầu Tổng Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp.

i. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và việc ủy quyền này chỉ có giá trị cho một lần họp Đại hội đồng cổ đông.

j. Được thông tin về tình hình hoạt động của Tổng Công ty, được yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin về kết quả kinh doanh (hàng năm) có liên quan đến quyền lợi của cổ đông, trừ những bí mật về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bí mật công nghệ sản xuất, chiến lược, chiến dịch marketing, lựa chọn đối tác, khách hàng, phương pháp tác nghiệp kinh doanh...

k. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

14.3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên, có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 27.2 Điều 27 và khoản 35.2 Điều 35 Điều lệ này.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và 136 Luật Doanh nghiệp.

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn đối với danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông sau mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm của Tổng Công ty và các báo cáo của Ban kiểm soát;;

e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

f. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 15 : Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

15.1. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty; chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

15.2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

15.3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

15.4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi có thay đổi địa chỉ so với lần đăng ký trước cho Tổng Công ty.

15.5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

15.6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật.
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

15.7. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng Công ty.

15.8. Bảo vệ lợi ích, tài sản, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty, tham gia các công việc chung của Tổng Công ty khi được phân công.

15.9. Không được rút vốn cổ phần dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại theo quy định tại Điều lệ này hoặc trường hợp Tổng Công ty bị giải thể hoặc phá sản.

15.10. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.

Điều 16 : Đại hội đồng cổ đông

16.1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính; hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, nếu được cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp chấp thuận theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

16.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hằng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm.

16.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.
- b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn Điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ.

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên được quy định trong Điều lệ này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 14.3 Điều 14 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu có thể lập thành nhiều bản để trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao của Tổng Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

16.4. Trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại các điểm c, khoản 16.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, và điểm e khoản 16.3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Tổng Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 16.4 nêu trên, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này trong vòng 30 (ba mươi) ngày tiếp theo..

c. Người triệu tập lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp.

d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Tổng Công ty trả. Những chi phí này sẽ không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 16.4 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 16.3 có quyền thay thế Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

f. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông (nhưng không bao gồm các chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí cá nhân khác của cổ đông khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông) sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

Điều 17 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

17.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; và
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

17.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty.
- h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần.
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty.
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông của Tổng Công ty;
- l. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Tổng Công ty hoặc các Đơn vị trực thuộc hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các Đơn vị trực thuộc của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- m. Tổng Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc;
- o. Tổng Công ty hoặc các Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty và các Đơn vị thành viên của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- p. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty;
- q. Các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế khác của Tổng Công ty và quy định của Pháp luật.

17.3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:

- a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 17 nếu Cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc

b. Việc mua lại cổ phần của Cổ đông đó và/hoặc của Người có liên quan tới Cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

17.4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18 : Các đại diện được uỷ quyền

18.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp, có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.

18.2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp.

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông mà tổ chức là người uỷ quyền thì Giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, và Người được uỷ quyền dự họp.

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

18.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký văn bản cử Người được uỷ quyền dự họp, việc cử Người được uỷ quyền dự họp trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu văn bản cử Người được uỷ quyền dự họp đó được xuất trình cùng với văn bản uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của văn bản uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty). Nếu điều này không được thực hiện thì việc cử người đại diện dự họp sẽ bị vô hiệu.

18.4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng (đã được đăng ký vào Sổ cổ đông) trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

18.5. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

18.6. Trừ trường hợp quy định tại khoản 18.3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền;

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19 : Thay đổi các quyền

19.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết loại của cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

19.2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 22 Điều lệ này.

19.3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20 : Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

20.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, c Khoản 16.4 Điều 16 Điều lệ này.

20.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng Công ty. (Danh sách cổ đông có đủ điều kiện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số đăng ký doanh nghiệp hoặc đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần mỗi loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông);

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; và

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

20.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười năm (15) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (*tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư*). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Nếu chỉ đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

20.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 14.3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền đề xuất vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và được gửi cho Tổng Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

20.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 20.4 Điều này trong các trường hợp sau đây :

- a. Đề xuất gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề xuất không có đủ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 6 tháng theo quy định tại khoản 14.3 Điều 14 của Điều lệ này.
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
- d. Các trường hợp khác.

20.6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

20.7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 21 : Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

21.1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

21.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng cổ phần có quyền biểu quyết.

21.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại khoản 20.2 Điều này, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

21.4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 20.3 Điều 20 của Điều lệ này.

Điều 22 : Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

22.1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

22.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành Nghị quyết trước, số thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số thẻ tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành về vấn đề đó. Đại hội sẽ chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người. Để hỗ trợ Ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ, chủ tọa cuộc họp có thể xin ý kiến đại hội cử một số cổ đông có mặt tại cuộc họp hoặc một số nhân viên khác của Tổng Công ty giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong việc kiểm phiếu.

22.3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để những người đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự họp sẽ không bị ảnh hưởng.

22.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên HĐQT có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố.

Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc chủ tọa được bầu của Đại hội đồng cổ đông đề cử một (01) thứ ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

22.5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

22.6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người họp;
- b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

22.7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 22.6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

22.8. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự.

22.9. HĐQT có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng và có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi Đại hội.

22.10. Sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, HĐQT có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để :

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp.
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc những hình thức lựa chọn thích hợp khác.

22.11. Trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp quy định tại khoản 22.6 nêu trên, khi xác định địa điểm Đại hội, người triệu tập họp có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó.
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

22.12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Tổng Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23 : Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

23.1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 23.2 và 22.3 Điều này. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.
- b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.
- c. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc hoặc Chủ tịch HĐQT đồng thời làm Tổng giám đốc.
- d. Sửa đổi bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng Công ty.
- e. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.

23.2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh, thay đổi cơ cấu tổ chức, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Tổng Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp quy định tại khoản 23.3 Điều này hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

23.3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông báo trên website của Tổng Công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 24 : Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

24.1. HĐQT có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ khi nào xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;

24.2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

24.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty.

b. Mục đích lấy ý kiến.

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

24.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

24.5. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến từng vấn đề.

e. Các quyết định đã được thông qua.

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

24.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

24.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

24.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25 : Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

25.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và thư ký, và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây :

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Thời gian và địa điểm họp đại hội đồng cổ đông.
- c. Chương trình làm việc.
- d. Chủ tọa và Thư ký.
- e. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu phản đối và số phiếu trắng về các vấn đề thông qua.
- g. Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
- h. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
- i. Các quyết định đã được thông qua;
- j. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký;

25.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm xong và thông báo trước khi bế mạc cuộc họp.

25.3. Trừ những người theo quy định của pháp luật đương nhiên có quyền xem sổ biên bản, những người khác muốn xem sổ biên bản phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT.

Điều 26 : Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 14.3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

26.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

26.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo Quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng bốn mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 27 : Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

27.1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT trùng với nhiệm kỳ của HĐQT; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong đó số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên HĐQT độc lập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp luật. Trường hợp, một thành viên được bầu giữa nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời gian còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

27.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy chế bầu cử của Tổng Công ty.

Trường hợp số thành viên được đề cử trên còn thiếu so với số lượng thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ này thì số lượng thành viên còn thiếu đó sẽ do HĐQT đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

27.3 Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a. Theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên HĐQT.

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng Công ty.

c. Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm Pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của Pháp luật.

d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã Quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

f. Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

27.4 HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp ngay sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc bổ nhiệm thành viên đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

27.5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty.

c. Thành viên HĐQT là cổ đông của Tổng Công ty.

d. Không là thành viên HĐQT của quá ba (03) tổ chức kinh doanh khác có ngành nghề kinh doanh liên quan đến Tổng Công ty.

27.6. Tiêu chuẩn thành viên độc lập HĐQT:

a. Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b. Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;

c. Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;

d. Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất; và

e. Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

27.7. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bãi miễn thành viên HĐQT thì việc biểu quyết này được tiến hành với từng trường hợp bị bãi miễn.

27.8. Khi số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba số thành viên quy định tại Điều lệ này thì HĐQT phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông bầu bổ sung.

27.9. Các thành viên HĐQT không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đương nhiệm trừ trường hợp đặc biệt được HĐQT chấp thuận.

27.10. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 28 : Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT

28.1. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng Tổng Công ty phải cam kết nắm giữ 100% (một trăm phần trăm) số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian ít nhất 06 (sáu) tháng kể từ ngày cổ phiếu của Tổng Công ty được đăng ký giao dịch lần đầu tiên và 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phiếu này trong thời gian 06 (sáu) tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu của cổ đông là tổ chức do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

28.2. HĐQT có trách nhiệm giám sát (bao gồm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của mình), kiểm soát việc quản lý điều hành Tổng Công ty theo cơ chế được đề cập trong Điều lệ này và Quy chế quản trị khác của Tổng Công ty.

28.3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tổng Công ty.

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý cấp cao của Tổng Công ty (Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng Tổng Công ty...); quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác và xem xét quyết định mức lương, lợi ích của họ theo đề nghị của Tổng giám đốc. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d. Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mức lương và lợi ích đối với các Giám đốc các đơn vị thành viên phụ thuộc và Trưởng phó phòng ban của Tổng Công ty theo đề xuất của Tổng giám đốc

e. Quyết định cơ cấu tổ chức; Quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty.

f. Giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định chọn đại diện của Tổng Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó.

g. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu được chào bán của từng loại.

h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các loại chứng quyền cho phép người sở hữu cổ phiếu theo mức giá định trước phù hợp với Điều lệ này và pháp luật.

i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi khi được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền.

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

k. Đề xuất tái cơ cấu lại hoặc giải thể Tổng Công ty.

l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

m. Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động của mình, báo cáo giám sát hoạt động điều hành của Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác, báo cáo về việc quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác trong năm tài chính.

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến cổ đông để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

o. Đề xuất sửa đổi bổ sung Điều lệ khi cần thiết.

p. Các quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

28.4. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a. Quyết định việc thành lập, chấm dứt hoạt động các Công ty con, Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Tổng Công ty.

b. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 135 và khoản 1 khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh và hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty trở lên). HĐQT có thể uỷ quyền cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng đề cập trong Điều lệ này với một tỷ lệ nhất định được quy định trong quy chế hoạt động nội bộ.

c. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty.

d. Mọi việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty.

e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách hằng năm.

f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập tại Việt Nam hay nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

g. Việc định giá tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

h. Việc Tổng Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần.

i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn của mình phải phù hợp với quy định của pháp luật.

j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty.

28.5. HĐQT phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

28.6. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, HĐQT có thể ủy quyền nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.

28.7. Các thành viên HĐQT được nhận thù lao công việc của mình và tiền thưởng. Tổng mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong HĐQT hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT (và số thù lao cho từng thành viên) bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

28.8. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

28.9. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT.

Điều 29 : Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT

29.1. HĐQT bầu một người trong số thành viên HĐQT làm Chủ tịch HĐQT và có thể bầu một người làm Phó Chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT có thể đồng thời làm Tổng giám đốc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. 29.2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.

b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của HĐQT.

c. Thay mặt HĐQT ký các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị; Thay mặt HĐQT ký các văn bản, quy định, các hợp đồng, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của HĐQT và đã được HĐQT thông qua.

d. Theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

e. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; Kiến nghị lên HĐQT, Đại hội đồng cổ đông về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.

f. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến HĐQT để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng 12 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó.

g. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

29.3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt vì các lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao và đã thông báo đến HĐQT về những sự kiện này, thì Phó Chủ tịch HĐQT được thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT;

29.4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đồng thời đều vắng mặt hoặc không có khả năng thực hiện nhiệm vụ thì người được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT, trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm giữ chức Chủ tịch HĐQT để thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc đa số quá bán;

29.5. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn thì HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Tổng Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT.

Điều 30 : Các cuộc họp của HĐQT

30.1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số;

30.2. Cuộc họp định kỳ: Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp HĐQT bất kỳ lúc nào khi thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch HĐQT lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.

30.3. Cuộc họp bất thường: Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có một trong số

các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý khác.
- b. Từ hai (02) thành viên HĐQT trở lên.
- c. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.
- d. Ban kiểm soát.

30.4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 30.3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp tại khoản 30.3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp HĐQT;

30.5. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

30.6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt; và thông báo về chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Thông báo và tài liệu họp phải gửi cho các thành viên ít nhất năm (05) ngày trước ngày khai mạc.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT đã đăng ký.

30.7. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền) tham dự.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp tham gia trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyền.

30.8. Quyền biểu quyết :

a. Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Bất kỳ thành viên HĐQT nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp hoặc điểm a và b, khoản 38.4 Điều 38 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

d. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề nào phát sinh liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, thì những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng; trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

30.9. Công khai lợi ích: Thành viên HĐQT mà bằng cách này hay cách khác; trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

30.10. Biểu quyết đa số: HĐQT thông qua các Nghị quyết và quyết định phải được đa số thành viên dự họp chấp thuận (trên 50%); trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau; phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT sẽ là phiếu quyết định.

30.11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết và quyết định của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản và phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT không muộn hơn 1 (một) giờ trước thời gian dự kiến họp.

30.12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này, thành viên HĐQT tham gia họp trong cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện được coi là địa điểm họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

30.13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

30.14. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Nội dung chủ yếu của Biên bản cuộc họp phải đảm bảo các nội dung chủ yếu như quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp.

30.15. Những người được mời tham dự họp: Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

30.16. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban do HĐQT quy định.

30.17. Giá trị pháp lý của hành động: Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý.

Điều 31: Thường trực Hội đồng quản trị và các tiểu ban của HĐQT

31.1. Thường trực HĐQT

a. Thường trực HĐQT là cơ quan thường trực của HĐQT, gồm ít nhất 03 thành viên do HĐQT cử ra để thay mặt HĐQT giải quyết và phê duyệt một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa các kỳ họp chính thức của HĐQT.

b. Thường trực HĐQT thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được HĐQT giao hoặc ủy quyền. Thường trực HĐQT có thể thông qua quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

31.2. Tiểu ban chiến lược và đầu tư

a. Tiểu ban chiến lược và đầu tư gồm ít nhất 03 thành viên được bổ nhiệm bởi nghị quyết HĐQT tại cuộc họp HĐQT, phù hợp với các quy định của Pháp luật.

b. Tiểu ban chiến lược và đầu tư có thể bao gồm Giám đốc tài chính, những thành viên HĐQT điều hành khác và những thành viên HĐQT có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn sâu rộng trong ngành về đầu tư tài chính.

c. Chức năng và nhiệm vụ chính:

- Xây dựng chiến lược thường niên, chiến lược trung đến dài hạn của Tổng Công ty;

- Thiết lập các chiến lược kinh doanh trọng yếu;

- Thiết lập và phát triển mối quan hệ với các đối tác chiến lược;

- Đề xuất các vấn đề liên quan đến tầm nhìn, sứ mệnh, các sáng kiến chiến lược, các chương trình dịch vụ chủ chốt của Tổng Công ty;

- Thường xuyên đánh giá tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược để đề xuất những thay đổi cần thiết cho HĐQT;
- Xây dựng chỉ tiêu để đánh giá những dự án đầu tư chiến lược tiềm năng;
- rà soát để kiểm tra tính hợp lý của quy tắc, hướng dẫn đầu tư của Tổng Công ty;
- Giám sát thực hiện đầu tư, đảm bảo tính tuân thủ của quy trình và quy định về đầu tư của Tổng Công ty;
- Kiểm tra và đề xuất lên HĐQT về chính sách và chiến lược đầu tư cho Tổng Công ty;
- Giám sát những rủi ro đầu tư liên quan, bao gồm những rủi ro liên quan tới danh mục đầu tư, chính sách đầu tư... của Tổng Công ty;
- Giám sát chức năng đầu tư và đảm bảo phân bổ đủ nguồn lực để thực hiện chức năng đầu tư.

31.3. Tiểu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm

a. Tiểu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm được thiết lập với mục đích nhằm đảm bảo hiệu quả trong quá trình lựa chọn thành viên mới của HĐQT cũng như hiệu quả trong quá trình đánh giá HĐQT, các tiểu ban trực thuộc HĐQT, các thành viên Ban điều hành và các Quản lý cấp cao khác.

b. Tiểu ban lương thưởng, tiền cử và bổ nhiệm nên được bổ nhiệm bởi HĐQT và bao gồm ít nhất 03 thành viên là các thành viên độc lập và không điều hành của HĐQT. Một trong số họ sẽ được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban.

c. Chức năng và nhiệm vụ chính:

- Đề xuất chính sách thù lao (lương thưởng và các lợi ích khác) đối với các thành viên HĐQT, bộ máy quản lý để trình HĐQT hoặc góp ý đối với bản đề xuất về chính sách lương thưởng do HĐQT đưa ra và soát xét sự phù hợp với từng thời kỳ;
- Đề cử ứng viên tiềm năng cho các vị trí trong HĐQT;
- Soạn thảo bản đề xuất về định mức lương thưởng và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT và Bộ máy quản lý và đưa ra khuyến nghị liên quan tới những thay đổi cần thiết để trình lên Đại hội đồng cổ đông trong kỳ đại hội tiếp theo;

31.4. Tiểu ban rủi ro và kiểm toán

a. Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành sẽ được HĐQT cân nhắc chiếm đa số trong Tiểu ban rủi ro và kiểm toán. Một trong số họ sẽ được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban. HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban rủi ro và kiểm toán là chuyên gia về kế toán tài chính và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Tổng Công ty;

b. Đánh giá tính độc lập của kiểm toán độc lập; Giám sát chức năng kiểm toán độc lập; Rà soát những điều kiện có thể dẫn đến việc miễn nhiệm kiểm toán độc lập và đề xuất ý kiến trong những trường hợp tương tự;

c. Giám sát việc áp dụng các tiêu chuẩn kế toán trong việc chuẩn bị các báo cáo tài chính. Xem xét các vấn đề trọng yếu và các đánh giá trong việc báo cáo tài chính để đảm bảo tính đầy đủ của các báo cáo tài chính và các công bố chính thức liên

quan đến kết quả tài chính của Tổng Công ty. Xem xét phạm vi và kết quả của kiểm toán và tính hiệu quả về mặt chi phí;

d. Giám sát công tác quản trị rủi ro của Tổng Công ty; xem xét tính hiệu quả của hoạt động kiểm toán nội bộ;

e. Giám sát tính liên chính của các báo cáo tài chính của Tổng Công ty, sự tuân thủ các quy định pháp luật của Tổng Công ty, năng lực và tính độc lập của kiểm toán độc lập, năng lực và tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ;

f. Phân tích và đưa ra các đề xuất cho HĐQT về rủi ro liên quan đến các giao dịch và hoạt động của Tổng Công ty;

31.5. Tiểu ban nghiên cứu và phát triển

a. Số lượng thành viên của Tiểu ban do HĐQT quyết định nhưng phải đảm bảo tối thiểu 03 thành viên có kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty;

b. Hỗ trợ HĐQT trong việc rà soát các chương trình và sáng kiến nghiên cứu và phát triển hiện tại và trên kế hoạch của Tổng Công ty trên quan điểm khoa học, đưa ra các phản hồi/nhận xét về công tác quản lý các sáng kiến và các chương trình nghiên cứu và phát triển. Liên tục đưa ra các nhận xét và khuyến nghị chiến lược lên HĐQT;

c. Phát hiện và thảo luận với HĐQT về các vấn đề, các xu hướng liên quan tới khoa học cũng như so sánh các chương trình, hoạt động nghiên cứu và phát triển của Tổng Công ty so với các đối thủ cạnh tranh;

31.6. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban đặc biệt khác sau khi có nghị quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

31.7. HĐQT có thể ủy quyền cho các tiểu ban quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này được quyền hành động và ra quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác, thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của HĐQT. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài không nhiều hơn một nửa số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi các thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp có hơn năm mươi phần trăm (50%) thành viên HĐQT của các tiểu ban đó.

31.8. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc HĐQT hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc chỉ định thành viên của tiểu ban đó có thể sai sót.

31.9. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên. Chức năng cụ thể của Thường trực HĐQT và các Tiểu ban có thể được điều chỉnh và sẽ được xác định trong quyết định thành lập của HĐQT tại từng thời điểm;

31.10. HĐQT có trách nhiệm soạn thảo và ban hành Cẩm nang hoạt động của Hội đồng quản trị để quy định chi tiết chức năng và nhiệm vụ của HĐQT, thường trực HĐQT và các tiểu ban của HĐQT.

CHƯƠNG VIII **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH,** **CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY**

Điều 32: Tổ chức bộ máy quản lý

32.1. Tổng Công ty tổ chức một hệ thống quản lý mà theo đó Bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của HĐQT.

32.2. Tổng Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc; Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên HĐQT và được HĐQT trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33 : Cán bộ quản lý

33.1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và sự chấp thuận của HĐQT, Tổng Công ty có một số lượng nhất định cán bộ quản lý thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý của Tổng Công ty theo từng thời kỳ. Cán bộ quản lý phải có năng lực, tâm huyết và trung thực để các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

33.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do HĐQT quyết định. Mức lương và lợi ích khác của những cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến hoặc đề xuất của Tổng giám đốc. Mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý khác không do HĐQT bổ nhiệm do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 34: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

34.1. Bổ nhiệm: HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng (nếu có). Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

34.2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

Tổng giám đốc phải có những tiêu chuẩn sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- b. Có sức khỏe đủ để thực hiện nhiệm vụ, trung thực, liêm khiết, đạo đức tốt;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế ít nhất ba (03) năm trong quản trị doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty.

d. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

34.3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Quyết định các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo thẩm quyền đã ủy quyền hoặc phân cấp và quy định của pháp luật. Tổ chức và điều hành tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

c. Kiến nghị phương án, quy chế quản lý, cơ cấu tổ chức cán bộ quản lý để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt để HĐQT xem xét và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ quản lý.

d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng lao động, ký kết hợp đồng lao động, mức lương, thù lao, các lợi ích, việc bổ nhiệm và miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động.

e. Vào ngày 31 tháng 10 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp và kế hoạch tài chính năm (05) năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua.

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty.

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Tổng Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hàng tháng của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm soát biết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình..

j. Đề xuất việc cử cán bộ đi công tác, đào tạo, du lịch tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật và theo phân cấp của HĐQT.

k. Báo cáo tình hình tài chính và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại các cuộc họp HĐQT; đề nghị HĐQT giải quyết các vấn đề phát sinh vượt quá quyền hạn của mình.

l. Thay mặt HĐQT quản lý toàn bộ tài sản và chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và phân cấp của HĐQT.

m. Xây dựng các quy chế thuộc thẩm quyền HĐQT quy định tại Điều lệ này và Quy chế sử dụng các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trình HĐQT phê duyệt. Xây dựng, phê duyệt và ban hành các quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty, trừ những quy chế thuộc thẩm quyền của HĐQT và Ban Kiểm soát..

n. Chịu trách nhiệm cá nhân về những tổn thất do hành vi vi phạm quy trình quản lý điều hành Tổng Công ty do mình gây ra.

o. Đại diện cho Tổng Công ty khởi kiện, bảo vệ quyền lợi hoặc đề nghị khởi tố trong các vụ án liên quan đến quyền lợi tài sản của Tổng Công ty theo Nghị quyết của HĐQT.

p. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT biết.

q. Trường hợp Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT thì vẫn được tham dự các phiên họp HĐQT nhưng không được biểu quyết và bỏ phiếu.

r. Tổng giám đốc có thể uỷ quyền cho Phó Tổng giám đốc; Giám đốc điều hành Tổng Công ty hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý đối với uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình. Người được Tổng giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và pháp luật về những công việc của mình làm. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới con dấu của Tổng Công ty đều phải thể hiện bằng văn bản.

s. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

34.4. Báo cáo lên HĐQT và các cổ đông: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

34.5. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật, khi có quá nửa số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng giám đốc trường hợp Tổng giám đốc là thành viên HĐQT) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 35 : Thư ký Tổng Công ty

35.1. HĐQT sẽ chỉ định hoặc bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng Công ty với nhiệm kỳ và trách nhiệm theo quyết định của HĐQT và HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích cụ thể của Thư ký Tổng Công ty do HĐQT quy định.

Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng Công ty bao gồm :

a. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban kiểm soát.

b. Thư ký lập biên bản các cuộc họp.

c. Tư vấn về trình tự thủ tục tổ chức các cuộc họp.

d. Tham dự các cuộc họp.

e. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

35.2. Thư ký Tổng Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG IX **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 36 : Thành viên Ban kiểm soát

36.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty là ba (3) thành viên. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm, nhiệm vụ sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát.

b. Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty để báo cáo Ban kiểm soát.

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.

36.2. Đề cử thành viên Ban kiểm soát: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số thành viên được đề cử còn thiếu so với số lượng thành viên Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này thì Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

36.3. Các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại vào kỳ Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

36.4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát.

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản được gửi đến trụ sở chính cho Tổng Công ty.

c. Thành viên đó bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn hoặc bị hạn chế năng lực hành vi.

d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong sáu (06) tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát mà không được phép của Trưởng Ban kiểm soát và Ban kiểm soát thấy rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

e. Thành viên là đại diện của cổ đông bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho cổ đông đó.

f. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

36.5. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát:

a. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý của Tổng Công ty; vợ hoặc chồng, bố, mẹ, bố nuôi, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý của Tổng Công ty.

b. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành án phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề.

c. Người chưa đủ 21 tuổi.

d. Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 37 : Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát

37.1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập.

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp với công việc của Tổng Công ty nếu thấy cần thiết.

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hàng quý.

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại, phát hiện từ kết quả kiểm toán giữa kỳ, cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng Công ty.

g. Xem xét báo cáo của Tổng Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận; và

h. Xem xét kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của các ban quản lý.

i. Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

j. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Tổng Công ty; báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

k. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng.

l. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

m. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.

n. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Tổng Công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty;

o. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý điều hành hoạt động của Tổng Công ty.

p. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 14.3 Điều 14 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT và không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

q. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;

r. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Khoản 38.1 Điều 38 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

s. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Tổng Công ty khi thực hiện nhiệm vụ.

37.2. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Thực hiện các quyền - nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

37.3. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 36.2 Điều này đều thuộc sở hữu của Tổng Công ty.

Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

37.4. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho HĐQT và bản sao các biên bản họp HĐQT sẽ phải được cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT.

37.5. Sau khi đã tham khảo ý kiến HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng phải họp ít hai (02) lần/năm và số lượng thành viên tối thiểu cuộc họp là hai (02) người.

37.6. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được hưởng các lợi ích khác theo quy định của pháp luật. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí phát sinh một cách hợp lý khi tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 38 : Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 39 : Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

39.1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác. Cụ thể như sau:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, theo những thông lệ quản lý tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng Công ty.

Ngoài các nghĩa vụ quy định tại điểm a, b, c, d Khoản này, HĐQT và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Tổng Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

39.2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

39.3. Tổng Công ty không cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Cán bộ quản lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

39.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tổng Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo cho HĐQT hoặc ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan.

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu

quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này đã được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tổng Công ty hoặc Công ty con của Tổng Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

39.5. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Tổng Công ty, bao gồm:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

c. Việc kê khai quy định tại điểm a, b khoản này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

d. Việc kê khai quy định tại điểm a,b,c Khoản này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

e. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT tán thành; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Điều 40 : Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

40.1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ của mình quy định tại **Khoản 38.1** Điều 38 sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

40.2. Bồi thường: Tổng Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không

phải là việc kiện tụng do Tổng Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Tổng Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Tổng Công ty với điều kiện là:

a. Người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng Công ty.

b. Người đó đã hành động trên cơ sở tuân thủ Pháp luật .

c. Người đó đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với Điều lệ này và các quy định nội bộ của Tổng Công ty.

b. Không có sự phát hiện hay xác nhận nào cho rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: Các chi phí phát sinh (kể cả chi phí thuê luật sư), các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Tổng Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những đối tượng nêu tại Khoản này để tránh những bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

Điều 41 : Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

41.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) vốn điều lệ trong thời gian sáu (06) tháng liên tục trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng Công ty về danh sách cổ đông của Tổng Công ty, biên bản họp và quyết định của HĐQT; biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được sao, trích lục các tài liệu đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện người uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

41.2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra, xem xét Sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

41.3. Tổng Công ty lưu Điều lệ và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính.

41.4. Cổ đông có quyền được tiếp cận và đọc bản Điều lệ này tại trụ sở chính của Tổng Công ty hoặc trên website của Tổng Công ty. Tổng Công ty sẽ cấp miễn phí cho mọi cổ đông một bản sao hợp lệ của Điều lệ này.

CHƯƠNG XII **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY**

Điều 42 : Công nhân viên và công đoàn

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 43 : Cổ tức

43.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại (sau khi hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật) của Tổng Công ty; nhưng không vượt quá mức do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

43.2. Việc thanh toán cổ tức được thực hiện một năm một lần vào ngày do HĐQT quy định; hoặc có thể quyết định thanh toán cổ tức vào giữa kỳ nếu HĐQT xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

43.3 Tổng Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

43.4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi Nghị quyết này.

43.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Tổng Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông yêu cầu, nhằm cho phép Tổng Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền thì Tổng Công ty không chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký. Ngoài những hình thức nêu trên, HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định những hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật.

43.6. HĐQT thông qua Nghị quyết của mình quy định một ngày cụ thể làm ngày chốt danh sách cổ đông của Tổng Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể có cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi các quyền lợi

đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

43.7. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, thì mức cổ tức được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông nắm giữ trong giai đoạn chi trả cổ tức.

43.8. Trong trường hợp kết quả kinh doanh cuối năm tài chính bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định theo hướng :

a. Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù.

b. Chuyển toàn bộ hoặc một phần lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật, đồng thời HĐQT phải trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các biện pháp khắc phục.

Điều 44 : Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận Tổng Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 45: Tài khoản ngân hàng

45.1. Tổng Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.

45.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Tổng Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp luật.

45.3. Tổng Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 46 : Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ

46.1. Hàng năm, Tổng Công ty sẽ phải trích lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ này bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Tổng Công ty.

46.2. Các quỹ khác do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

46.3. HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

Điều 47 : Năm tài khoá

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm đó.

Điều 48 : Hệ thống kế toán

48.1. Hệ thống kế toán Tổng Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác theo quy định của Bộ Tài chính.

48.2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.

48.3. Tổng Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 49 : Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

49.1. Tổng Công ty phải lập một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này, trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính. Báo cáo tài chính hàng năm sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua phải được nộp cho các cơ quan chức năng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; gồm: Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (sau khi Tổng công ty đã niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

49.2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm: (i) báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng Công ty trong năm tài chính, (ii) bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, (iii) báo cáo lưu chuyển tiền tệ, (iiii) thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Tổng Công ty là một Công ty mẹ thì ngoài Báo cáo tài chính hàng năm Tổng Công ty phải lập và trình Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của cả các Công ty con của Tổng Công ty.

49.3 Tổng Công ty phải lập các báo cáo sáu (06) tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (sau khi Tổng công ty đã niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

49.4. Tổng Công ty phải công bố báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trên website của Tổng Công ty. Tổng Công ty phải đăng Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán.

49.5. Bất kỳ một cá nhân, tổ chức nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra, sao chụp, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo hàng quý, sáu (06) tháng tại trụ sở chính của Tổng Công ty trong giờ làm việc và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp đó.

Điều 50 : Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo quản trị công ty theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 51 : Kiểm toán

51.1. Tại Đại hội đồng cổ đông hàng năm sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết tiến hành kiểm toán Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT.

51.2. Tổng Công ty sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.

51.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tổng Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Tổng Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

51.4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

51.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được nhận các thông báo, các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến kiểm toán.

**CHƯƠNG XVII
CON DẤU**

Điều 52 : Con dấu

52.1. HĐQT sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng Công ty; và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật;

52.2. HĐQT, Tổng giám đốc Tổng Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG XVIII
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

Điều 53 : Chấm dứt hoạt động

53.1. Tổng Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trước thời hạn trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn.
- b. Toà án tuyên bố Tổng Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

53.2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời gian đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, HĐQT thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

53.3. Trường hợp Tổng Công ty lâm vào tình trạng phá sản sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 54: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và cổ đông

Trừ khi pháp luật và Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số căn cứ sau:

54.1. Trường hợp các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Tổng Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT có thể hoạt động.

54.2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.

54.3. Có sự bất đồng nội bộ dẫn đến sự chia rẽ trong các cổ đông mà giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông, thì các cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trong sáu (06) tháng liên tục có quyền đệ đơn ra toà án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết. Việc đệ đơn ra toà này độc lập với quá trình khởi kiện nêu tại Khoản 52.2 Điều này.

54.4 Trường hợp có tình trạng nêu tại Khoản 52.1 Điều này mà tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thể giải quyết được, cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có thể nhân danh mình hoặc nhân danh Tổng Công ty khởi kiện thành viên HĐQT theo họ bị coi là có lỗi dẫn đến tình trạng bế tắc nêu trên ra Toà án vì đã vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Tổng Công ty theo điều 160 của Luật doanh nghiệp.

Điều 55 : Gia hạn hoạt động

55.1. HĐQT sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT.

55.2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 56 : Thanh lý

56.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Tổng Công ty. HĐQT sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

56.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

56.3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác đi, tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý.
- b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc hoặc mất việc (nếu có) và chi phí bảo hiểm xã hội cho công nhân viên theo quy định của pháp luật.
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng Công ty phải trả cho Nhà nước.
- d. Các khoản vay (nếu có).
- e. Các khoản nợ khác của Tổng Công ty.
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản từ điểm a đến e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XIX **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

Điều 57 : Giải quyết tranh chấp nội bộ

57.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: (i) Cổ đông với Tổng Công ty; hoặc (ii) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay Cán bộ quản lý, thì các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải, kể cả thông qua trung gian hoà giải theo nguyên tắc sau:

a. Nếu tranh chấp không liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

b. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

57.2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định hòa giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế để giải quyết.

57.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX **BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 58 : Bổ sung và sửa đổi điều lệ

58.1. Trừ những nội dung về trụ sở chính và ngành nghề kinh doanh và việc điều chỉnh vốn điều lệ do chào bán cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được

quyền chào bán quy định tại Điều lệ Tổng Công ty đã uỷ quyền cho HĐQT, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định.

58.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XXI **NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 59 : Ngày hiệu lực

59.1. Bản Điều lệ này gồm XXI Chương 59 Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2017 tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ này.

59.2 Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 (một) bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Đà Nẵng.
- b. 01 (một) bản đăng ký tại cơ quan Đăng ký kinh doanh theo quy định.
- c. 08 (tám) bản lưu trữ tại trụ sở chính Tổng Công ty.

59.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THỌ
TỔNG GIÁM ĐỐC



